

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ TÂN UYÊN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 36/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 11-4-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,  
chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Phạm Ngọc Trung

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Cần

Ông Nguyễn Văn Thảo

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa:** ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 407/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1987. (vắng mặt và có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

- **Bị đơn:** ông Lâm Tuấn E, sinh năm 1982. (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: đường K, tổ D, khu phố K, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- **Nguyên đơn trình bày:**

Bà Nguyễn Thị T và ông Lâm Tuấn E tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008 và có đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 102, ngày 20/10/2016.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu thì vợ chồng khá hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng vài năm gần đây, giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông E thường xuyên chơi cờ bạc, uống rượu bia gây nợ nần về đời bà T bán nhà trả nợ nhưng bà T không đồng ý dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, gây gổ. Hai vợ chồng đã nhiều lần trao đổi, nói chuyện nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông E.

Về con chung: bà T và ông E có 02 con chung là Lâm Minh T1, sinh ngày 07/02/2015 và Lâm Tâm N, sinh ngày 11/6/2016. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung. Hai con chung hiện đang sống chung với bà T tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà T hiện đang làm tại tiệm làm tóc và bán hàng với mức thu nhập hàng tháng khoảng 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng. Do đó, bà T có đủ điều kiện nuôi con. Ông E hiện đang làm lái xe, thường xuyên vắng nhà nên không đảm bảo điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: theo đơn khởi kiện, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết : hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 06/9/2024 giữa ông Lâm Tuấn E và bà Nguyễn Thị P đối với thửa đất số 1831, tờ bản đồ số 45, tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 1831, tờ bản đồ số 45, tại phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX679985, số vào sổ cấp GCN: CS05952 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 26/6/2015 mang tên ông Lâm Tuấn E là tài sản chung của vợ chồng. Bà T yêu cầu chia đôi giá trị tài sản trên và yêu cầu được nhận bằng giá trị. Tuy nhiên, hiện nay bà T thay đổi ý kiến không tranh chấp đối với phần tài sản trên. Bà T và ông E sẽ tự thương lượng hòa giải, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Lâm Tuấn E nhưng ông E không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Lâm Tuấn E vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng

quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lâm Tuấn E và yêu cầu được trực tiếp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Tại thời điểm thụ lý vụ án, bị đơn ông Lâm Tuấn E đang cư trú tại thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn ông Lâm Tuấn E đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào các Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông E. Quá trình giải quyết vụ án, bà T xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà T là tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

#### **[2] Về nội dung:**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 20/10/2016, bà Nguyễn Thị T và ông Lâm Tuấn E tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông E là hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Xét thấy, bà T xác định giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, tranh cãi không thể giải quyết được. Nguyên nhân do ông E thường xuyên chơi cờ bạc, uống rượu bia gây nợ nần về đòi bà T bán nhà trả nợ nhưng bà T không đồng ý dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, gây gổ. Ông E còn có hành vi dùng dao đuổi chém bà T. Hai vợ chồng đã nhiều lần trao đổi, nói chuyện nhưng không có kết quả. Hai vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập ông E nhiều lần để tiến hành hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng ông E đều vắng mặt, điều này chứng tỏ ông E cũng không có thiện chí mong muốn gia đình được đoàn tụ. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà T và ông E đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: quá trình chung sống, bà T và ông E có 02 con chung là Lâm Minh T1, sinh ngày 07/02/2015 và Lâm Tâm N, sinh ngày 11/6/2016. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung. Xét thấy, bà T có công việc và nơi ở ổn định, hai con chung hiện đang sống cùng với bà T và đều có nguyện vọng được sống chung với bà T. Ông E cũng không có yêu cầu được trực tiếp nuôi

con. Do đó, yêu cầu của bà T là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên là phù hợp.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: bà Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Lâm Tuấn E về việc tranh chấp chia tài sản khi ly hôn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đối với bị đơn ông Lâm Tuấn E về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Lâm Tuấn E.

2.2. Về con chung: giao 02 con chung là Lâm Minh T1, sinh ngày 07/02/2015 và Lâm Tâm N, sinh ngày 11/6/2016 cho bà Nguyễn Thị T được quyền trực tiếp nuôi.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi đương sự có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2.4. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: bà Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0004481 ngày 21/10/2024, số 0004720 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 28.800.000 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- CCTHADS thành phố Tân Uyên;
- UBND xã Thạnh Thới An, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Trung**